

CTCP DƯỢC PHẨM BẾN TRE



BEPHARCO

**TÀI LIỆU ĐẠI HỘI
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2018**

**Tổ chức ngày 20 tháng 4 năm 2019
Tại KHÁCH SẠN HÀM LƯƠNG
Số 200C Nguyễn Văn Tư, P5, TP Bến Tre**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
BẾN TRE

MỤC LỤC TÀI LIỆU ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018

1. Chương trình đại hội	01
2. Quy chế làm việc.....	03
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2014 – 2018 và phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2019 – 2023	09
4. Báo cáo tổng kết năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019	14
5. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2018	21
6. Tờ trình về việc chia cổ tức năm 2018.....	22
7. Tờ trình báo cáo mức chi thù lao HĐQT, Ban KTNB năm 2018	23
8. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty.....	24
9. Phụ lục đính kèm tờ trình.....	25
10. Tờ trình về việc xin bổ sung ngành nghề kinh doanh.....	26
11. Tờ trình về việc bầu lại HĐQT Công ty nhiệm kỳ năm 2019 – 2023.....	27
12. Sơ yếu lý lịch của các thành viên ứng cử HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2023	28
13. Tờ trình về việc kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ năm 2019.....	35
14. Tờ trình mức chi thù lao HĐQT, Ban KTNB năm 2019	36
15. Tờ trình về việc trích quỹ lương năm 2019	37
16. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019	38
17. Tờ trình về việc nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại một số Công ty, kể cả Công ty đại chúng mà không phải thực hiện chào thua công khai	39
18. Tờ trình về việc xin chủ trương tiếp tục thực hiện hồ sơ niêm yết cổ phiếu trên HSX.....	40
19. Tờ trình về việc xin chủ trương góp vốn đầu tư hoặc thành lập Công ty tại nước ngoài.....	41
20. Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng mua bán giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan, tổ chức có liên quan người nội bộ	42
21. Tờ trình về việc xin hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi một phần cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Dược phẩm Yên Bái	43
22. Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.....	44
23. Báo cáo tài chính Bepharco đã kiểm toán	47
24. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán	60



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018**

Thời gian : Thứ bảy, ngày 20 tháng 04 năm 2019
Địa điểm: KHÁCH SẠN HÀM LUÔNG.
(số 200C Nguyễn Văn Tư, phường 5, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

Thời điểm	Nội dung	Người thực hiện
7h 30'	I. THỦ TỤC, ỔN ĐỊNH Làm thủ tục tham dự đại hội (trình CMND, thư mời, giấy uỷ quyền - nếu có, ký tên xác nhận tham dự ĐH); nhận tài liệu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử – tại bàn tiếp tân. Phim ảnh tư liệu về hoạt động của Công ty và ổn định chỗ ngồi.	Ban tổ chức
8h 00'	II. KHAI MẠC ĐẠI HỘI 1. Tuyên bố lý do – Giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội 3. Thông qua QC làm việc và biểu quyết của đại hội 4. Giới thiệu và biểu quyết thông qua: 4.1. Chương trình đại hội 4.2. Chủ tọa đoàn, ban thư ký	Ban tổ chức Trưởng Ban KTNB
8h 10'	III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI 1. Thông qua báo cáo HĐQT, Ban TGD và KTNB 1.1. Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2014-2018; Kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2019-2023. 1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019.	Ông Phạm Thứ Triệu – CT HĐQT Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc Cty
8h 40'	2. Thông qua các tờ trình xin ý kiến cổ đông 2.1. Về việc phân phối lợi nhuận năm 2018. 2.2. Về mức chi cổ tức năm 2018. 2.3. Về việc báo cáo mức chi thù lao năm 2018. 2.4. Về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ. 2.5. Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. 2.6. Về việc bầu lại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2023. 2.7. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ năm 2019. 2.8. Về việc dự kiến mức chi thù lao HĐQT và Ban	Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc Cty



Thời điểm	Nội dung	Người thực hiện
	KTNB năm 2019. 2.9. Về việc trích quỹ lương năm 2019. 2.10. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính 2019. 2.11. Về việc nâng tỷ lệ sở hữu tại một số Công ty mà không phải thực hiện chào mua công khai. 2.12. Về việc xin tiếp tục triển khai việc niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TPHCM. 2.13. Về việc xin chủ trương đầu tư tại nước ngoài. 2.14. Về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng mua bán giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan với người nội bộ hoặc tổ chức có liên quan đến người nội bộ. 2.15. Về việc xin hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của Ypharco. 2.16. Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.	Ông Nguyễn Khắc Hanh – Thành viên HĐQT Cty
9h 10'	4. Thảo luận 4.1. Thảo luận các nội dung của các báo cáo, tờ trình. 4.2. Mời ý kiến của Cổ đông.	HĐQT
9h 30'	5. Biểu quyết các vấn đề 5.1. Thông qua cách thức biểu quyết các vấn đề 5.2. Biểu quyết các vấn đề tại đại hội	Trưởng ban KP HĐQT
10h 10'	6. Giải lao	
10h 30'	7. Ý kiến phát biểu của lãnh đạo, khách mời.	HĐQT
11h 00'	IV. TỔNG KẾT 1. Thông qua biên bản và NQ Đại hội 2. Đáp từ 3. Dừng cơm thân mật.	Ban thư ký HĐQT





QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018
Ngày 20 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Dược phẩm Bến Tre.

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHCĐ : Đại hội cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông

- Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại

hội cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Đại hội cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 20/3/2019 đều có quyền tham dự ĐHCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng họp Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự tại Đại hội.
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm có 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết).
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định.
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội.
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
 - Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - **Ban kiểm phiếu**
 1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
 2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Đại biểu phát biểu nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu
- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề Biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.
 - o Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Trường hợp số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo 02 phương thức bầu dồn phiếu hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến)
 - o Hình thức biểu quyết cụ thể cho từng nội dung sẽ được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội, bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết, tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
 - Khi bầu thành viên HĐQT bằng phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết
- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình...) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình...) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
 - Phiếu biểu quyết không hợp lệ
 - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
4. Thẻ lệ biểu quyết
- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết (nếu có).
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 20/3/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 12.314.494 cổ phần tương đương với 12.314.494 quyền biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều

21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

Điều 12. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội cổ đông

Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre biểu quyết thông qua.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *pm*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2014-2018
 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2019-2023**

I. BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2014-2018

1. Các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm cuối năm 2014-2018

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Tổng tài sản	Tỷ đồng	316,3	450,2	454,9	534,8	543,2
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	92,7	113,8	130,8	182,2	171,1
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	69,9	76,9	123,1	123,1	123,1

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng CTCP Dược phẩm Bến Tre

2. Các chỉ tiêu kinh doanh nhiệm kỳ 2014-2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện				
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu	Tỷ đồng	523,2	552,1	567,7	705,9	693,8
Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	15,2	29,6	32,3	37,5	23,2
Cổ tức	%	20%	25%	10% (*)	15%	8%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng CTCP Dược phẩm Bến Tre

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ qua, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh và quản trị doanh nghiệp theo định hướng mới, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã cơ cấu lại và số lượng thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ như sau:

- Đầu nhiệm kỳ: Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) thành viên.

- Đến năm 2018 bổ sung thêm 02 thành viên mới và số lượng thành viên HĐQT hiện nay là 07 thành viên, gồm có:
 - o Ông Phạm Thứ Triệu : Chủ tịch
 - o Ông Võ Minh Tân : Phó chủ tịch
 - o Ông Lê Văn Minh : Thành viên
 - o Ông Nguyễn Khắc Hanh : Thành viên
 - o Ông Nguyễn Hoàng Sơn : Thành viên
 - o Ông Vũ Quang Đông : Thành viên
 - o Ông Lê Vinh Danh : Thành viên

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã thực hiện cơ cấu lại tổ chức, nhân sự trong toàn Công ty, kiện toàn mạng lưới kinh doanh, từng bước thực hiện tinh gọn bộ máy, thúc đẩy công tác bán hàng theo định hướng chuyên môn hóa đi kèm tăng cường kiểm soát chi phí hiệu quả hơn.

4. Tình hình cơ cấu vốn và tăng vốn

Kể từ tháng 12/2014 Nhà nước đã thực hiện chủ trương không nắm giữ và thoái vốn hoàn toàn 34% vốn còn lại tại Bepharco, kể từ đó Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần với sự tham gia sở hữu hoàn toàn của tư nhân, đánh dấu sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của Công ty. Và kéo theo của quá trình này cũng như chuyển biến quy mô vốn từ năm 2014 đến 2018 của Công ty trong nhiệm kỳ qua như sau:

- Năm 2014: Công ty triển khai phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:3, tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 69.998.950.000 đồng.
- Năm 2015: Công ty tiếp tục phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức lần 2 năm 2014 với tỷ lệ 10%, tăng vốn điều lệ từ 69.998.950.000 đồng lên 76.998.080.000 đồng.
- Năm 2016 – 2017: Bepharco phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức lần 2 năm 2015 với tỷ lệ 15%, phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ chủ chốt với tỷ lệ 4,94% và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 40%, tăng vốn điều lệ từ 76.998.080.000 đồng lên 123.144.940.000 đồng, mức vốn điều lệ này cũng cố định đến nay.

Năm 2016, Công ty không thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn lần 2 và phát hành trái phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2015 thông qua ngày 23/4/2016, do nguồn vốn phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh sau đợt phát hành cổ phiếu đợt 1 năm 2016 đã đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh.

5. Hoạt động đầu tư

5.1. Đầu tư mở rộng chuỗi giá trị công ty trong ngành dược

Trong nhiệm kỳ qua HĐQT Bepharco cơ bản đã hoàn thành mục tiêu đầu tư mở rộng chuỗi giá trị của Công ty trong ngành Dược, cũng như tăng tỷ lệ nắm giữ quyền chi phối tại 02 Công ty con là Biopharco và Ypharco cũng như nắm giữ đến tỷ lệ đầu tư vào công ty liên kế tại Codupha góp phần hoàn thiện việc đầu tư trong chuỗi giá trị ngành dược của Bepharco bao gồm cả sản xuất và phân phối, cụ thể:

- Từ năm 2015 đến năm 2018, Bepharco đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) lên 53,53%. Ypharco là đơn vị có trụ sở tại tỉnh Yên Bái, một đơn vị chuyên sản xuất các sản phẩm từ đông dược. Và kể từ năm

2017 Bepharco thực hiện phân phối độc quyền toàn bộ sản phẩm của Ypharco và sẽ tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.

- Từ năm 2016 đến năm 2017, Công ty đã đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco) lên 51%. Kể từ năm 2017, Biopharco chính thức trở thành Công ty con của Bepharco. Biopharco là đơn vị có trụ sở tại Tp Nha Trang – Khánh Hòa, chuyên sản xuất vắc xin và sinh phẩm và cũng từ đó Bepharco là đơn vị độc quyền phân phối những sản phẩm chính của Biopharco.
- Từ năm 2015 Công ty cũng đầu tư dưới góc độ là đối tác chiến lược theo hình thức CPH tại CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha với tỷ lệ 23,14%. Codupha là 01 trong 02 đơn vị có hệ thống phân phối lớn nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam, có trụ sở chính tại TPHCM.

Ngoài ra, năm 2016 HĐQT đã thành lập CTCP Dược phẩm OC để triển khai thực hiện dự án đầu tư và sản xuất thuốc hóa dược với đối tác nước ngoài, tuy nhiên do sự thay đổi trong thỏa thuận với đối tác và những biến động của thị trường, do đó HĐQT đã quyết định tạm dừng dự án và giải thể Công ty theo luật định vào năm 2018.

5.2. Đầu tư vào các lĩnh vực khác

Trong nhiệm kỳ qua Bepharco cũng đã đầu tư vào CTCP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Long An và CTCP Sản xuất và Thương mại Phương Đông, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại do có nhiều kế hoạch thay đổi của các bên, nên HĐQT đã quyết định cơ cấu lại danh mục đầu tư và Công ty đã thực hiện thoái vốn toàn bộ tại 02 công ty này trong năm 2017 và năm 2018 để thu hồi vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính trong ngành.

5.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới, hệ thống quản trị

- Trong năm 2015, Công ty triển khai xây dựng hệ thống quản trị thông tin/ERP, hệ thống quản trị khách hàng/CRM, hệ thống quản trị nhân sự/HR. Đến năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng hệ thống quản trị thông tin ERP, CRM, HR, tổng đài nội bộ đã đưa vào vận hành và quản trị hiệu quả theo định hướng phát triển Công ty, phát huy hiệu quả trong quản trị kinh doanh.
- Trong năm 2017, hoàn tất việc xây dựng, di dời Khu văn phòng và Kho Công ty tại TPHCM từ quận 10 và KCN Tân Tạo tập trung về một địa điểm tại Quận Tân Phú để thuận tiện kinh doanh. Đến năm 2018, hoàn tất việc xây dựng Khu văn phòng và Kho Công ty tại TP Cần Thơ cũng như di dời Văn phòng Chi nhánh Hà Nội sang vị trí trung tâm, thuận lợi trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường trong thời gian tới.

6. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp mở rộng mạng lưới kinh doanh, nâng cao công tác quản trị và cơ cấu sắp xếp nhân sự hợp lý.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các nghị quyết và ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo yêu cầu, mục đích đề ra, từng bước đưa Công ty hoạt động ổn định và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, Đại hội Cổ đông đã đề ra.

7. Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động Công ty

7.1. Những thành quả đạt được

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội Cổ đông đề ra, riêng năm 2018 Công ty phải điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ảnh hưởng biến của chính sách ngành, cạnh tranh thầu và kế hoạch triển khai bán hàng cho các nhóm hàng của các công ty con trong nhóm sản xuất chưa đúng tiến độ.
- Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
- Nhiệm kỳ qua, đã thực hiện cơ cấu sắp xếp lại nhân sự một số phòng ban chức năng, đảm bảo nhu cầu hoạt động Công ty và đề xuất bổ nhiệm một số chức danh quản lý đáp ứng nhu cầu chuyên môn.
- Triển khai áp dụng phần mềm quản lý hệ thống ERP, CRM, HR đúng tiến độ, kiểm soát ngày giờ công bằng dấu vân tay, khai thác hiệu quả phần mềm quản lý.
- Hoàn tất việc phân chia theo địa bàn kinh doanh theo 3 vùng miền Bắc – Trung – Nam, bố trí cán bộ quản lý theo khu vực vùng miền nhằm thuận tiện trong điều hành hoạt động kinh doanh.

7.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Trong năm 2018, doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra một phần do việc triển khai chính sách bán hàng các sản phẩm từ các Công ty con chậm so với tiến độ dự kiến.
- Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành chưa có giải pháp phát triển thị trường, đầu tư trên lợi thế về mạng lưới cũng như các lợi thế hiện có cũng như chưa tăng cường nghiên cứu tìm kiếm đối tác thêm mới, cũng như nghiên cứu sản phẩm mới, chưa đạt mục tiêu phân phối 02 nhóm sản phẩm mới của 02 Công ty con theo kế hoạch năm.
- Giai đoạn 2014-2017, Công ty dành nhiều thời gian tập trung công tác đầu tư vào chuỗi giá trị ngành dược, xây dựng chiến lược, định hướng phát triển, cơ cấu tổ chức nhân sự, triển khai hệ thống ERP chung cho toàn nhóm công ty nên chưa đầu tư có chiều sâu vào công tác phát triển sản phẩm, đối tác, mạng lưới được hiệu quả hơn.
- Chưa khai thác tối đa công suất hoạt động của nhà máy sản xuất thuốc nước tại Bepharco cũng như Nhà máy tại 02 Công ty con.
- Công tác đầu tư nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới, cũng như công tác nghiên cứu, đánh giá thị trường chưa được triển khai thực hiện đạt mức kỳ vọng của Hội đồng quản trị.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2019 -2023

1. Dự kiến kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2019-2023

Đơn vị tính: tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu	725	660	730	800	880
Lợi nhuận TT	30,7	35,3	40,6	46,7	53,7
Cổ tức	10%	10%	10%	10%	10%

2. Công tác tổ chức, nhân sự

- Triển khai cơ cấu lại tổ chức, nhân sự, hoàn chỉnh về mô hình kinh doanh và tổ chức lại nguồn lực phù hợp, phát triển chuyên sâu theo 02 nhóm kinh doanh chủ lực ETC và OTC nhằm phát huy lợi thế tốt nhất của Công ty dựa trên nền tảng hệ thống hiện có.
- Hoàn thiện các tiêu chuẩn, qui định đánh giá mức độ hoàn thành công việc cho từng vị trí chức danh theo hệ thống KPI, nhằm tăng năng suất, đẩy mạnh công tác bán hàng.

3. Đầu tư mạng lưới, hệ thống

- Tăng cường đầu tư hệ thống kho tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.
- Tập trung nghiên cứu sản phẩm mới để khai thác tối đa lợi thế nhà máy của 02 Công ty con. Đồng thời tập trung mở rộng tìm kiếm đối tác mới, nguồn hàng mới để đưa vào khai thác hiệu quả.

4. Kế hoạch khác cho nhiệm kỳ mới

- Tập trung rà soát, cơ cấu lại danh mục tài sản, các quỹ đất đai, cơ sở hạ tầng, khai thác tối đa giá trị sử dụng để mang lại hiệu quả trong kinh doanh.
- Tăng cường huy động nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh bằng một trong các hình thức: phát hành cổ phiếu tăng vốn, sử dụng các công cụ tài chính, chủ động mở rộng tìm kiếm các tổ chức tín dụng, đối tác, quỹ đầu tư... để tạo cơ hội huy động vốn kịp thời, hiệu quả trong kinh doanh.
- Tăng cường tìm kiếm đối tác, hợp tác với nước ngoài để mở rộng thị trường, khai thác và đưa sản phẩm mới vào phân phối trong nước.
- Thành lập công ty con hoặc văn phòng đại diện tại nước ngoài để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm Bến Tre nhiệm kỳ 2014-2018 và một số chủ trương lớn cho nhiệm kỳ 2019-2023.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *per*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

1. Tình hình chung:

Bepharco hiện có 06 chi nhánh ngoài tỉnh, 01 Văn phòng đại diện và 09 phòng ban trực thuộc. Tình hình nhân sự tại ngày báo cáo 31/12/2018 là:

- + Tổng số: 363 người, gồm 169 nam và 194 nữ.
- + Chia theo trình độ:
 - ✓ Trình độ đại học, cao đẳng: 127 người chiếm 35%,
 - ✓ Trình độ trung cấp chuyên nghiệp: 194 người chiếm 53%,
 - ✓ Sơ cấp và lao động phổ thông: 42 chiếm 12%,

Sau khi Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục tài sản, hiện tại Công ty đang quản lý và có quyền sử dụng 7.132 m² đất thổ cư, đất mặt tiền nằm tại các vị trí đắc địa ở nội ô các tỉnh, thành phố lớn (gồm đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã nộp tiền thuê đất một lần và có thời hạn sử dụng ít nhất 25 năm).

2. Thuận lợi và khó khăn:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 có những khó khăn & thuận lợi như sau:

2.1. Thuận lợi:

- Về việc đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành, đã hoàn tất việc đầu tư chiến lược và nắm giữ tỷ lệ sở hữu chi phối tại các công ty con; duy trì tỷ lệ sở hữu ở công ty liên kết mạnh về hoạt động phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm và phát triển thị trường.
- Tiếp tục tổ chức cơ cấu lại nhân sự cho tinh gọn, phù hợp; sắp xếp lại một số phòng ban chức năng, bổ nhiệm một số chức danh quản lý có kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên ngành; xây dựng lại thang bảng lương cho phù hợp với chính sách nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh; ổn định thu nhập và đời sống của người lao động.
- Tăng cường phát triển doanh số kênh bán hàng OTC song song với ETC bằng nhiều chương trình và chính sách bán hàng, góp phần bù đắp sự sụt giảm doanh số trong công tác đầu thầu và mở rộng mạng lưới kinh doanh ở tất cả các tuyến trên cả nước.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống ERP cho toàn công ty, ở các phân hệ đã và đang dần hoàn thiện như nhân sự & quản lý kinh doanh, tài chính - kế toán, và một số phân hệ quản lý khác. Việc hoạt động hiệu quả của hệ thống này góp phần hoàn thiện công tác quản trị từ cấp cao đến cấp cơ sở ở từng bộ phận kinh doanh của Công ty.

1

2.2. Khó khăn:

- Nhóm hàng nhập khẩu truyền thống vẫn là mối lo hàng đầu, luôn bị áp lực cạnh tranh về giá và rủi ro rớt thầu trong công tác đấu thầu, ngoài ra còn do ảnh hưởng bởi lý do khách quan là tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền vay ngắn hạn tăng, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng,... làm suy giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Quá trình tái cơ cấu lại nhân sự chưa hoàn tất nên chưa có giải pháp đồng bộ, kịp thời để thúc đẩy mạng lưới hoạt động hiệu quả tương xứng với tiềm năng hiện có và việc triển khai các sản phẩm mới ra thị trường còn chậm so với dự kiến.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018:

1. Tình hình sản phẩm & thị trường:

- Sản phẩm chính trong kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuốc chữa bệnh, được quản lý, triển khai bán hàng theo 03 nguồn cung cấp chính:
 - + Nguồn hàng do Công ty nhập khẩu trực tiếp (HNK).
 - + Nguồn hàng do Bepharco, 02 Công ty con (Biopharco, Ypharco) và Meyer-BPC sản xuất (HSX).
 - + Nguồn hàng khác từ các nhà sản xuất và phân phối trong và ngoài nước (HK).
- Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng (Bắc, Trung, Nam), quản lý và điều hành bởi 7 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh, CN Hà Nội, CN Đà Nẵng, CN Cần Thơ, CN Khánh Hòa, CN Ninh Bình và Phòng Kinh doanh tại Bến Tre.
- Trong năm 2018, hàng hóa công ty phân phối đến gần 10.000 khách hàng, tăng 2,9% so với kế hoạch 2018 là 9.350 khách hàng. Trong đó khách hàng OTC tăng 7,9% so với kế hoạch 2018 là 7.645 khách hàng.
- Khách hàng tập trung nhiều ở trung tâm thị xã, thành phố là 6.646 (69,1%); ở tuyến thị trấn, tuyến xã là 2.974 (30,9%).
- Doanh thu thuần năm 2018 là 693,8 tỷ đồng; phân chia theo các nguồn hàng tham gia như sau: Hàng nhập khẩu đạt 341,6 tỷ đồng (chiếm 49,2%), hàng sản xuất đạt 114,4 tỷ đồng (chiếm 16,5%), còn lại là hàng khác hơn 237,8 tỷ đồng (chiếm 34,3%).

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Bepharco:

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh năm 2018 là 23,2 tỷ đồng, được hình thành từ lãi gộp bán hàng 151,9 tỷ đồng trừ đi chi phí bán hàng - quản lý 127, 8 tỷ đồng, cộng với doanh thu hoạt động tài chính 9,5 tỷ đồng, trừ chi phí tài chính 18,3 tỷ đồng. Chi tiết các chỉ tiêu hình thành lợi nhuận bán hàng được trình bày dưới đây:

Bảng 1. Doanh thu & cơ cấu doanh thu từ 2014-2018:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng doanh thu thuần	tỷ đồng	523,3	552,1	567,7	705,9	693,8
2	Tốc độ tăng	%	-1%	6%	3%	24%	-2%

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
	<i>trưởng</i>						
1.1	Doanh thu thuần HNK	tỷ đồng	309,1	320,9	325,0	340,0	341,6
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	3%	4%	1%	5%	0,5%
	<i>Tỉ trọng</i>	%	59%	58%	57%	48%	49%
1.2	Doanh thu thuần HSX	tỷ đồng	63,6	56,9	61,4	97,5	114,4
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	-8%	-11%	8%	58%	17%
	<i>Tỉ trọng</i>	%	12%	10%	11%	14%	17%
1.3	Doanh thu thuần HK	tỷ đồng	150,6	174,3	180	268,4	237,8
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	-6%	16%	3%	49%	-12%
	<i>Tỉ trọng</i>	%	29%	32%	32%	38%	34%

Bảng 2. Lãi gộp bán hàng từ 2014-2018:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
1	Lãi gộp	tỷ đồng	119,2	126,5	139,9	161,5	151,9
2	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	-9%	6%	11%	15%	-6%
3	<i>Lãi gộp/ Doanh thu</i>	%	22,8%	22,9%	24,6%	22,8%	21,9%

- Tổng mức doanh thu thuần năm 2018 đạt được 693,8 tỷ đồng - giảm 12,1 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 1,8% so với năm 2017. Nguyên nhân sụt giảm là do tình hình khó khăn chung của ngành, giá bán giảm và tập trung cơ cấu lại nhóm hàng.

- Từ khi cổ phần hóa vào giữa năm 2004, doanh thu của Công ty tăng trưởng rất đều, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 10% (năm sau so với năm trước). Nhưng giai đoạn 2013-2018 tốc độ doanh thu không ổn định, thậm chí tỉ lệ tăng trưởng âm xuất hiện ở năm 2013, 2014 và 2018. Nguyên nhân chính là do chính sách vĩ mô về đầu thầu thuốc trong các bệnh viện công lập thay đổi, mức độ ảnh hưởng nặng nhất vào 6 tháng cuối năm 2013, kéo dài đến 2014 và hiện nay. Việc giảm doanh thu là do khách quan, nhưng chủ quan là do công ty chưa có động thái thiết thực để giảm thiểu rủi ro sụt giảm doanh thu dù đã dự đoán trước tình hình.

- Trong những năm sụt giảm, doanh thu của nhóm hàng nhập khẩu vẫn có tăng trưởng dù tỷ lệ không cao, trong khi nhóm hàng sản xuất và hàng khác sụt giảm và phát triển chưa ổn định. Nhưng do hàng nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn và hàng sản xuất cũng dần phát triển nên đã kéo lại mức giảm doanh thu chung.

- Mức lãi gộp bán hàng đạt được trong năm 2018 là 151,9 tỷ đồng - giảm gần 10 tỷ đồng, tương đương 6% so với năm 2017. Mức giảm là do doanh thu giảm cộng với việc thực hiện các chính sách giảm giá, kích cầu để giữ thị phần và ổn định khách hàng. Doanh số bán hàng nhập khẩu vẫn ổn định và tăng nhẹ, khoảng 0,5% so với cùng kỳ,

nhưng do tỷ giá đầu vào tăng và nguyên nhân còn do nhóm hàng khác có tỷ trọng cao nhưng mức lãi gộp thấp, nên làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp chung.

- Việc quản lý các khoản chi phí khá tốt, chi phí bán hàng thực hiện chỉ tăng 4,8 tỷ đồng so với cùng kỳ, tính tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần thì tỷ lệ này tăng khoảng 1%, (năm 2018 là 12,9% so với 12,0% của năm 2017 và 11,8% năm 2016). Như vậy, dù phải chi phí nhiều cho hoạt động tiếp thị của 2 nhóm hàng sản xuất mới, chúng tôi chứng tỏ rằng các khoản chi phí dành cho hoạt động bán hàng vẫn bình thường; đối với chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện giảm 4,6 tỷ đồng so với cùng kỳ, nếu tính tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần thì tỷ lệ này giảm 0,6%, (năm 2018 là 5,5% so với 6,1% năm 2017 và 6,9% năm 2016), với chủ trương sắp xếp cơ cấu lại nhân sự của HĐQT làm tăng hiệu quả hoạt động và giữ hệ thống ổn định.

- Dựa vào biên lợi nhuận thuần đạt 2,2% và biên lợi nhuận hoạt động đạt 5,2% cho thấy công ty hoạt động kinh doanh có thể chi trả các khoản chi phí dựa trên doanh thu thuần của hoạt động kinh doanh bán hàng. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần của Công ty năm 2018 2,7%, giảm 1,6% so năm 2017 4,3%, năm 2016 4,5%. Công ty hoạt động chính theo hướng phân phối nên mức lợi nhuận biên không cao so với các đơn vị cùng ngành có hoạt động sản xuất quy mô hơn.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 23,2 tỷ đồng, sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp 4,0 tỷ đồng thì lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 18,7 tỷ đồng, chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã đề ra với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 26,5 tỷ đồng.

3. Bảng Cân đối kế toán của Công ty Bepharco:

3.a. Về tài sản:

- Tổng tài sản 03 năm gần nhất từ 2016-2018 cho thấy tài sản tăng liên tục, năm 2018 tăng 8,4 tỷ đồng, tương đương 1,5% so với năm 2017; năm 2017 tăng 79,9 tỷ đồng, tương đương 17,6% so với năm 2016; năm 2016 tăng 84,5 tỷ đồng, tương đương 18,8% so với năm 2015. Xét về mức biến động thì hàng tồn kho có xu hướng giảm, do dự trữ hàng nhập khẩu đã hết số đăng ký, nhưng có sự gia tăng đáng kể các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết.

- Như đã phân tích ở trên, tồn kho năm 2018 có xu hướng giảm theo chiều hướng tích cực với mức độ vừa đủ và hợp lý so với các năm trước. Mức tồn kho bình quân năm 2018 là 164,9 tỷ đồng, tăng 1,4 tỷ đồng so với năm 2017 là 163,5 tỷ đồng, giảm 9,9 tỷ đồng so với năm 2016 là 174,8 tỷ đồng. Với mức tồn kho vừa nêu thì số ngày lưu kho bình quân năm 2018 là 111 ngày, tăng 2 ngày so với 109 ngày năm 2017 và 149 ngày năm 2016.

- Nợ phải thu 163,3 tỷ đồng vào cuối năm 2018, tăng 21,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Phải thu về bán hàng tăng 9,4 tỷ đồng, tương đương 137,2 tỷ đồng năm 2018 so với năm 2017 là 127,8 tỷ đồng. Nợ phải thu bán hàng bình quân năm 2018 là 132,4 tỷ đồng năm 2018, tăng 19,7 tỷ đồng so với năm 2017 là 112,7 tỷ đồng. Số ngày cho nợ bình quân năm 2018 là 70 ngày, tăng 12 ngày so với năm 2017 là 58 ngày.

- Tài sản dài hạn với giá trị năm 2018 là 181,3 tỷ đồng, tăng 15,8 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2017 là 165,5 tỷ đồng. Trong đó: khoản đầu tư tài chính dài hạn không có sự thay đổi nhiều như đầu tư vào công ty con hơn 90 tỷ đồng, Công ty liên doanh liên kết hơn 48 tỷ đồng; riêng chi phí dài hạn trả trước là 18,2 tỷ đồng, bao gồm tiền thuê đất

trả trước tại Văn phòng chính là hơn 11 tỷ đồng và chi phí cải tạo kho & văn phòng tại TPHCM hơn 6 tỉ đồng.

3. b. Về nguồn vốn:

- Khối tài sản tại ngày 31/12/2018 nêu trên được đài thọ bởi nguồn vốn chủ hơn 171,1 tỷ đồng, từ lợi nhuận để lại và các quỹ; nguồn nợ phải trả hơn 372,1 tỷ đồng, tăng 19,6 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 5,5% so với đầu năm.

- Chỉ số nợ trên vốn chủ của công ty các năm trước trong khoảng từ 2,0 – 2,2 lần, năm 2017 là 1,93 lần, năm 2018 là 2,17, chỉ số này cho thấy vốn chủ cũng chưa cải thiện nhiều, cần có chủ trương cơ cấu lại danh mục tài sản và các khoản đầu tư đủ sức trang trải cho các khoản nợ tốt hơn. Nhìn chung, đặc điểm của ngành Dược: vốn ít, sử dụng đòn bẩy nhiều. Chỉ số này dưới 03 được xem là an toàn đối với doanh nghiệp hoạt động lâu năm và có uy tín trên thị trường như Công ty. Hơn nữa, nhìn vào hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là hơn 1.0 và hệ số thanh toán nhanh là 0,5, xét thấy Công ty hoàn toàn có thể chủ động được các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn tương đối tốt.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền của Công ty Bepharco:

- Năm 2018, dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm mạnh là do các biến động về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính, từ các khoản phải thu... Với hoạt động kinh doanh chính là do doanh số các nguồn hàng giảm làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp chung, các khoản phải thu là do tỷ trọng nợ của các đối tượng nợ hệ điều trị thanh toán từ ngân sách nhà nước, mặt khác nhằm để kích cầu cũng làm gia tăng chi phí khuyến mãi, quảng cáo; về hoạt động đầu tư, dòng tiền thu được từ thanh lý những tài sản dài hạn khác, tiền thu được từ cổ tức và lợi nhuận được chia; về hoạt động tài chính, dòng từ thu được từ việc tăng vay thanh toán cho các khoản phải trả từ đầu năm đến nay.

- Tóm lại, số dư tiền năm 2018 có xu hướng giảm so với cùng kỳ là do chủ yếu từ dòng tiền hoạt động kinh doanh chính, nguồn thu từ các hoạt động đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên kết không như dự kiến do tình hình chung của ngành Dược trong năm 2018. Vì vậy, để đảm bảo dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định, Công ty sẽ rà soát lại biên lợi nhuận của các nguồn hàng, xem xét chặt chẽ lại chính sách bán hàng, tồn kho, chính sách nợ từ các khoản phải thu để phòng ngừa từ các rủi ro khách quan.

5. Về báo cáo hợp nhất của Công ty Bepharco:

Cấu trúc công ty đầu năm gồm Công ty mẹ và 03 công ty con, cùng 01 Công ty liên kết; trong năm, công ty đã tiến hành thủ tục giải thể Công ty OC theo Nghị quyết của HĐQT, với công ty liên kết, tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết hiện nay là 23,14%.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cũng trình bày chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả, lợi thế thương mại của Công ty con,... Nhìn chung, trong năm tài chính, cũng như đã phân tích nêu trên, Công ty đã cơ cấu lại và đầu tư nâng tỷ lệ vốn góp chi phối vào các công ty con trên 51% so với cùng kỳ và tiến hành thoái vốn hay cơ cấu lại danh mục tài sản bổ sung vốn lưu động, nhằm nâng cao tỷ suất sinh lời cho hoạt động kinh doanh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG & KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019:

Trên nền tảng thực tế đạt được trong năm 2018 và đánh giá thực hiện của các năm trước. Xét tình hình thực tế hoạt động kinh doanh năm 2019 và căn cứ chủ trương kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra phương hướng, kế hoạch như sau:

1. Phương hướng hoạt động năm 2019:

- Thực hiện tốt chiến lược nhân sự, sản phẩm, tài chính; tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực trong từng đơn vị; hoàn thiện hệ thống quản trị tại các công ty con để sử dụng và khai thác đồng vốn có hiệu quả.

- Định vị Công ty mẹ tiếp tục đi hướng chính là phân phối, củng cố và mở rộng thị trường, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm mới mang tính chiến lược, tăng sức cạnh tranh. Nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phù hợp từng địa bàn nhằm phát huy được thế mạnh hiện có đưa doanh số tăng mạnh trong những năm tiếp theo.

- Củng cố trong toàn hệ thống hoạt động năng động và linh hoạt, tăng cường năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phát huy sức mạnh hệ thống phân phối thông qua văn hóa doanh nghiệp. Nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định để người lao động an tâm làm việc nhằm đưa công ty phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

2.1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019:

- Doanh thu: 725 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 30,7 tỷ đồng.
- Mức chia cổ tức bằng tiền tối thiểu 10% vốn điều lệ.

2.2. Các công tác khác:

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống quản lý và kênh phân phối theo hướng tập trung chuyên sâu vào đối tượng khách hàng theo 02 kênh phân phối ETC (điều trị/ đầu thầu) và OTC (bán lẻ).

- Nghiên cứu nhằm phát triển mạnh hơn nhóm sản phẩm nhập khẩu thông qua việc mở rộng thêm đối tác mới cũng như chủng loại sản phẩm mới theo nhu cầu và xu hướng điều trị, đồng thời mở rộng nhóm sản phẩm phân phối không chỉ trong lĩnh vực hóa dược, đông dược, sinh phẩm mà luôn cả vắc xin, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế và mỹ phẩm.

- Đặt trọng tâm cho năm 2019 và những năm sau gia tăng phát triển nhóm hàng sản xuất ở 02 Công ty con: Ypharco, Biopharco. Kết hợp marketing đẩy mạnh hiệu quả hoạt động bán hàng bằng nhiều hình thức, tạo khí thế từ trong nội bộ lan ra bên ngoài khách hàng, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh để cải thiện chế độ lương thưởng cho nhân viên bán hàng.

- Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu lại nhân sự, tăng cường thu hút nguồn lực có chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông theo đúng tiến độ và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, kính trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua.


TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐS. VÔ MINH TÂN



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận về việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Số TT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 BCTC đã được kiểm toán		18.665.106.175
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31.12.2018 (theo báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán), trong đó: Đã trích cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt 8% (ngày chi 25.03.2019)	8% VDL	35.965.951.570 9.851.595.200
3	Trích quỹ khen thưởng 3% LN sau thuế	3% LN sau thuế	559.953.185
4	Trích quỹ phúc lợi 2% LN sau thuế	2% LN sau thuế	373.302.124
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		35.032.696.261

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *pv*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc chia cổ tức năm 2018

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính năm 2018 chấp thuận về mức chi cổ tức năm 2018 như sau:

- Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 đã tổ chức ngày 21.4.2018 đã thống nhất: “Chia cổ tức năm 2018: bằng tiền hoặc cổ phiếu, mức chia tối thiểu bằng 10% vốn điều lệ của Công ty”.
- Mức chia cổ tức năm 2018 đề nghị chia bằng tiền với tỷ lệ 8% vốn điều lệ (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng).
- Ngày chốt danh sách cổ đông để chi cổ tức năm 2018 do Hội đồng Quản trị quyết định (đã chốt danh sách ngày 15/11/2018, ngày chi cổ tức là ngày 25/03/2019).

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Báo cáo mức chi thù lao HĐQT, Ban KTNB năm 2018

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 thông qua mức chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ năm 2018 như sau:

Mức chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ năm 2018 đã được ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2017 thông qua là 7% của lợi nhuận sau thuế.

Mức thù lao được trích năm 2018 là: 1.306.557.432 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ sáu triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm ba mươi hai đồng).

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *per*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Kính gửi : Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty nhưng vẫn đảm bảo theo đúng qui định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM THỨ TRIỆU



BEPHARCO



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Một số nội dung trọng yếu sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

STT	Quy chế quản trị nội bộ đã được ĐHCĐ thông qua ngày 21.4.2018	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung tại kỳ ĐHCĐ ngày 20.4.2019
1.	Điều 39. Khoản 1. 1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng Ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do Trưởng tiểu ban quyết định.	Điều 39. Khoản 1. 1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên.
2.	Điều 39. Khoản 2. Điểm c. 2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban: c. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên kinh nghiệm làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên đã có kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;	Điều 39. Khoản 2. Điểm c. 2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban: c. Đã có kinh nghiệm làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc đã có kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
3.	Điều 39. Khoản 2. Điểm f và g 2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban: f. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm và có kinh nghiệm công tác; g. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;	Điều 39. Khoản 2. Điểm f. 2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban: f. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra và có kinh nghiệm công tác;



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH**Về việc xin bổ sung ngành nghề kinh doanh**

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua;

Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

Mã ngành	Tên ngành
7310	Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo, trừ quảng cáo thuốc lá.
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường, trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng.
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị, hội chợ triển lãm thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
7830 (Chính)	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ lao động.
7020	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn quản lý sản xuất.
7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Cho thuê lại lao động

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****PHẠM THỨ TRIỆU**



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc bầu lại Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2023

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 thống nhất bầu lại Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2023 như sau:

Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2023 là 07 người.

Đính kèm Sơ yếu lý lịch của các ứng viên.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *pv*



PHẠM THỨ TRIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023**

Họ và tên:	PHẠM THỨ TRIỆU	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	11-10-1979			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp :	025898930 do Công an TP.HCM cấp ngày 20/5/2014			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	4/19 Phạm Huy Thông, P.7, Quận Gò Vấp, TP.HCM			
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kế toán - Kiểm toán			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Chủ tịch HĐQT Công ty			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha. - Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa XNK. 			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	788.965 cổ phần, chiếm 6,4%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	788.965 cổ phần, chiếm 6,4%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre: không				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VDL
1				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023**

Họ và tên:	VÕ MINH TÂN	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	02.07.1969			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp :	320706225 do CA Bến Tre cấp ngày 16.11.2012			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	số 15 ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre			
Trình độ chuyên môn:	Dược sĩ			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Tổng Giám đốc Công ty, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Thành viên HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	30.000 cổ phần, chiếm 0,24%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	30.000 cổ phần, chiếm 0,24%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre:				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VĐL
1	Vợ	Trần Thị Thùy Dung	4.373 cổ phần	0,04%

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023

Họ và tên:	LÊ VĂN MINH		Giới tính: Nam	
Ngày tháng năm sinh:	30/12/1980			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp :	025260154 cấp ngày 09/09/2014 tại CATP. HCM			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	28 Mỹ Thái 1A, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. HCM.			
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trường đại học Clemson, Mỹ			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm Bến Tre.			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	1.025.000 cổ phần, chiếm 8,32%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	1.025.000 cổ phần, chiếm 8,32%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre: không				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VĐL
1	Vợ	Lê Thị Trúc Linh	1.915.383	15,56%

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023**

Họ và tên:	LÊ VINH DANH	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1963			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	022706784 cấp tại Công An TPHCM ngày 05/07/2000			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	33/16 Đường số 9, Phường Bình An, Quận 2, TPHCM			
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế, Học giả sau tiến sĩ, Giáo sư kinh tế			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm Bến Tre.			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng TPHCM			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre: Không				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023

Họ và tên:	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	11/07/1965			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	001065000285 Cấp tại Công an TP Hà Nội , ngày 22/05/2013			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	Phòng 1502 - Toà nhà P1 - Khu Đô Thị Nam Thăng Long - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - Thành Phố Hà Nội			
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm Bến Tre.			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt. Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái Thành viên HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	391.250 cổ phần, chiếm 3,18% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	391.250 cổ phần, chiếm 3,18% vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre: Không				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023

Họ và tên:	NGUYỄN KHẮC HANH	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	19/10/1978			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	025476339 Cấp tại Công An TPHCM ngày 18/05/2011			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	23C Bùi Minh Trực, P6, Q8, TPHCM			
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, cử nhân luật			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ.			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Giám đốc tài chính CTCP dệt may Đông Khánh và CTCP dệt Đông Quang (Đông Quang Group)			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	25.000 cổ phần, chiếm 0,20%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	25.000 cổ phần, chiếm 0,20%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre: không				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VDL
1				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA THÀNH VIÊN ỨNG CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE NHIỆM KỲ 2019-2023**

Họ và tên:	VŨ QUANG ĐÔNG	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	30.09.1979			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	025079000595, ngày cấp 14/12/2018, tại Cục CS QLHC về TTXH			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	Phòng 122 (cũ, nay 106), nhà D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội			
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Kinh tế tài chính - Đại học Georgetown - Hoa Kỳ			
Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Dược phẩm Bến Tre	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty			
Chức vụ công tác hiện nay tại các Công ty khác	Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm Yên Bái. Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh và Quản lý quỹ Vietcombank.			
Số cổ phần đang nắm giữ tại Cty CP Dược phẩm Bến Tre :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
+ Cá nhân sở hữu :	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ			
Các lợi ích có liên quan tới Cty :	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không			
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Cty CP Dược phẩm Bến Tre:				
Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP nắm giữ	Chiếm % VDL
1	Vợ	Đậu Thị Thúy Mai	2.348.466	19,07 %



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ năm 2019

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ như sau:

- Chia cổ tức năm 2019: bằng tiền, mức chia tối thiểu bằng 10% vốn điều lệ.
- Trích quỹ phúc lợi: 2% lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ khen thưởng: 2% lợi nhuận sau thuế.
- Các quỹ còn lại đề nghị giao cho Hội đồng Quản trị quyết định và sẽ trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua trong Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2019.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Mức chi thù lao HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ năm 2019

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận mức chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ năm 2019 như sau:

Mức chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ năm 2019 đề nghị là 12% của lợi nhuận sau thuế BCTC năm 2019 (căn cứ vào báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc trích quỹ lương năm 2019

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận việc trích quỹ lương năm 2019 như sau:

Quỹ tiền lương năm 2019 được trích từ 13% đến 15% doanh thu năm 2019, đồng thời phải đảm bảo lợi nhuận sau thuế được giao năm 2019 ít nhất phải bằng 90% kế hoạch được giao (căn cứ vào báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

Mức trích cụ thể giao cho Hội đồng Quản trị quyết định.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *pm*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019 như sau:

Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 05 đơn vị kiểm toán sau đây để kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty gồm:

1. Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C.
2. Hoặc 01 trong 04 Công ty kiểm toán Big Four (PWC, Deloitte, KPMG, E&Y).

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Thủ Triệu*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại một số Công ty, kể cả Công ty đại chúng
mà không phải thực hiện chào mua công khai

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận:

- Chấp thuận chủ trương cho phép Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được nâng tỷ lệ sở hữu tại một số Công ty, kể cả Công ty đại chúng mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động thực hiện việc nâng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty, kể cả Công ty đại chúng theo đúng các thủ tục qui định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *PH*



PHAM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc xin chủ trương tiếp tục thực hiện hồ sơ niêm yết cổ phiếu trên HSX

Kính gửi : Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua;

Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017 đã được tổ chức ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận:

- Tiếp tục triển khai thực hiện niêm yết cổ phiếu DBT tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).
- Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định và thực hiện tất cả các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện nội dung trên theo luật định.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc xin chủ trương góp vốn đầu tư
hoặc thành lập Công ty tại nước ngoài**

Kính gửi : Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận thông qua chủ trương:

- Đồng ý thông qua việc CTCP Dược phẩm Bến Tre góp vốn đầu tư hoặc thành lập Công ty tại nước ngoài.
- Ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục có liên quan với các cơ quan chức năng và quyết định thời điểm, qui mô góp vốn đầu tư hoặc thành lập Công ty theo luật định.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng mua bán giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan, tổ chức có liên quan người nội bộ

Kính gửi : Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 chấp thuận thông qua:

- Ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty quyết định các hợp đồng mua bán giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan với người nội bộ hoặc tổ chức có liên quan đến người nội bộ.
- Việc ủy quyền có thời hạn 01 năm kể từ ngày được Đại hội Cổ đông thông qua hoặc khi có quyết định khác của Đại hội Cổ đông.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *per*



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc xin hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ
để hoán đổi một phần cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Dược phẩm Yên Bái

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được Đại hội Cổ đông thông qua;
Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ngày 06/12/2018;
Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2018 thông qua việc hủy bỏ phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của CTCP Dược phẩm Yên Bái theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2018 đã thông qua ngày 06/12/2018.
Lý do : thay đổi mục đích phát hành.
Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM THỨ TRIỆU



TP. Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Kính gửi: Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã được Đại hội Cổ đông thông qua;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội Cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với các thông tin chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
 2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
 3. Mã chứng khoán : DBT
 4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 5. Vốn điều lệ hiện nay : 123.144.940.000 đồng
 6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 12.314.494 cổ phiếu
- Trong đó:
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 12.314.494 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa : 1.214.320 cổ phiếu.

8. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tối đa theo mệnh giá: 12.143.200.000 đồng.
9. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành : 123.144.940.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng : 12.143.200.000 đồng.
 - Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 135.288.140.000 đồng
10. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9,86%
11. Mục đích chào bán cổ phiếu riêng lẻ:
Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm mục đích huy động vốn, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
12. Phương thức chào bán: phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
13. Đối tượng chào bán:
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán phù hợp, đảm bảo lợi ích cổ đông công ty và quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
14. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
15. Nguyên tắc xác định giá: Ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá chào bán chi tiết nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu
16. Phương thức phân phối: tổ chức phát hành phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư.
17. Thời gian phân phối: Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành. Dự kiến thực hiện trong năm 2019.
18. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết: Số lượng cổ phần chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHCĐ ủy quyền HĐQT chào bán cho các đối tượng khác sao cho không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.
19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động. Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
20. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.
21. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành.
22. Ủy quyền Hội đồng Quản trị
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:
 - Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.
 - Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK.



- Thực hiện báo cáo và hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án phát hành này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được thành công.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TL ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *per*



PHẠM THỨ TRIỆU





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 43
8. Phụ lục	44

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (0275) 813 447 – 822 429 – 829 528
- Fax : (0275) 824 248

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2018

Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thường trực	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

14987
NG T
KIỂM TOÁN
(IN VÀ T)
& C
T.P.HỒ

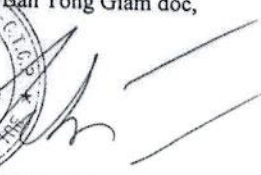

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019



Số: 1.0681/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty DANH SỬ Kiểm toán và Tư vấn A&C


 Nguyễn Chí Dũng, Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019


 Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Lân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		361.962.068.683	369.186.042.061
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.241.693.134	43.853.544.855
1. Tiền	111		14.207.544.179	37.111.633.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.148.955	6.741.911.701
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.180.771.233	17.416.890.037
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	17.180.771.233	17.416.890.037
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.933.512.770	139.987.594.566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	137.159.883.328	127.820.738.477
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.859.679.103	3.377.394.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.045.934.134	8.927.017.134
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(131.983.795)	(137.555.095)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		164.119.192.717	165.376.235.539
1. Hàng tồn kho	141	V.7	164.560.618.782	166.281.270.023
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(441.426.065)	(905.034.484)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.486.898.829	2.551.777.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.072.969.680	92.237.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.413.929.149	2.454.024.074
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	5.515.327
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

6

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.268.719.293	165.650.913.688
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.378.739.140	2.042.162.441
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.378.739.140	2.042.162.441
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.099.540.654	20.980.563.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.793.642.352	15.417.812.839
- Nguyên giá	222		43.948.582.938	39.926.041.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.154.940.586)	(24.508.228.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.305.898.302	5.562.750.947
- Nguyên giá	228		5.923.653.777	6.820.391.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.617.755.475)	(1.257.640.373)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		138.582.337.580	141.501.016.580
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	90.330.902.580	89.524.977.580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	48.108.225.000	48.108.225.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.710.000	3.729.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	76.500.000	138.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.208.101.919	1.127.170.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.208.101.919	855.041.905
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	272.128.976
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		543.230.787.976	534.836.955.749

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

7

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		372.118.891.647	352.546.524.888
I. Nợ ngắn hạn	310		361.822.843.498	352.447.524.888
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a, c	118.784.185.282	120.874.217.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.720.696	68.340.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.067.783.901	1.075.900.737
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.076.820.692	6.613.654.174
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.201.752.632	3.646.344.878
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.364	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a, c	10.736.857.781	879.294.428
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	221.179.857.027	216.720.199.716
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.584.229.123	2.405.936.616
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.296.048.149	99.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b, c	9.922.703.232	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b, c	93.000.000	99.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	280.344.917	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-C
Y
U HA
U VA
CH



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE


Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171.111.896.329	182.290.430.861
I. Vốn chủ sở hữu	410		171.061.896.329	182.240.430.861
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	35.965.951.570	47.144.486.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		27.152.440.595	47.144.486.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.813.510.975	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.22	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		543.230.787.976	534.836.955.749


 Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 02 tháng 3 năm 2019

 Võ Minh Tân
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

9

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	702.044.990.939	714.613.600.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.205.547.462	8.641.041.505
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		693.839.443.477	705.972.558.918
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	541.919.414.407	544.478.846.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151.920.029.070	161.493.712.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.575.356.003	7.336.341.401
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.272.128.575	21.234.031.484
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.006.303.068	10.755.915.235
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	89.657.979.191	84.832.067.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.193.300.769	42.805.541.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.371.976.538	19.958.413.889
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.590.705.501	21.617.083.801
12. Chi phí khác	32	VI.9	696.704.148	4.036.868.407
13. Lợi nhuận khác	40		7.894.001.353	17.580.215.394
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.265.977.891	37.538.629.283
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.048.397.823	7.404.668.114
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12, 20	552.473.893	(272.128.976)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>18.665.106.175</u>	<u>30.406.090.145</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 02 tháng 3 năm 2019

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

10

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.265.977.891	37.538.629.283
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	3.528.534.868	4.279.794.139
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	210.710.041	313.220.777
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	160.016.275	566.947.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(13.632.029.161)	(24.029.644.699)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.006.303.068	10.755.915.235
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.539.512.982	29.424.862.304
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.435.042.999)	(21.648.500.025)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.040.761.481	(4.018.687.498)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.664.655.618	2.633.931.304
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.038.357.391)	251.601.199
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	18.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.006.303.068)	(10.755.915.235)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.116.609.892)	(7.888.983.130)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(342.012.000)	(289.615.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.693.395.269)	5.708.693.919
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.947.091.884)	(4.802.096.424)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.874.409.429	14.932.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.953.067.027)	(14.544.040.037)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.250.685.831	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(1.105.925.000)	(32.460.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		770.894.033	130.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.157.704.855	5.564.298.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.610.237	(31.179.565.556)

030
C
SÁCH
KẾ TÍNH
A

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

11

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE


Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.598.290.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	532.361.811.883	553.982.975.571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(527.902.154.572)	(529.252.365.579)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, 21d	(18.425.724.000)	(12.276.390.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(13.966.066.689)</u>	<u>47.052.509.992</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(29.611.851.721)	21.581.638.355
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.853.544.855	22.271.906.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>14.241.693.134</u>	<u>43.853.544.855</u>


 Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng


 Bến Tre, ngày 02 tháng 3 năm 2019
 M.S.D.N. 130036259
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DƯỢC PHẨM
 BẾN TRE
 TP. BẾN TRE - T. BẾN TRE
 Võ Minh Tân
 Tổng Giám đốc

4
 N
 H
 8
 7.1

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

12



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 46
8. Phụ lục	47

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (0275) 813 447 – 822 429 – 829 528
- Fax : (0275) 824 248

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2018

Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thường trực	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Báo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3300/
 CÔNG
 CH NH
 KIỂM TOÁN
 A
 VH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019



Số: 1.0682/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1


Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		443.922.030.540	449.492.924.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.955.511.248	68.167.196.191
1. Tiền	111		24.921.362.293	47.425.284.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.034.148.955	20.741.911.701
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.180.771.233	37.416.890.037
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	37.180.771.233	37.416.890.037
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.818.739.655	157.849.286.637
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	154.910.567.757	144.977.295.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.376.230.895	3.730.846.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.874.144.911	9.366.592.267
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.342.203.908)	(225.447.480)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		174.022.124.265	180.417.969.276
1. Hàng tồn kho	141	V.7	174.463.550.330	181.323.003.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(441.426.065)	(905.034.484)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.944.884.139	5.641.582.740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.401.533.110	673.314.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.542.270.267	4.961.672.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.080.762	6.596.089
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.473.415.727	167.549.667.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.478.739.140	2.142.162.441
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.478.739.140	2.142.162.441
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.476.009.598	93.849.909.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.170.111.296	88.287.158.728
- Nguyên giá	222		166.244.100.812	158.251.923.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.073.989.516)	(69.964.764.848)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.305.898.302	5.562.750.947
- Nguyên giá	228		6.073.853.777	6.970.591.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.767.955.475)	(1.407.840.373)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.466.920.795	58.226.360.678
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	54.323.710.795	54.358.546.678
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	66.710.000	3.729.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	76.500.000	138.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.051.746.194	13.331.234.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.727.743.076	5.387.305.273
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.187.359.258	1.047.896.151
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	6.136.643.860	6.896.033.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		617.395.446.267	617.042.592.528

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		377.591.693.908	366.719.393.787
I. Nợ ngắn hạn	310		377.218.348.991	366.620.393.787
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	130.527.338.039	129.648.717.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	313.596.509	351.220.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.750.210.936	1.255.116.322
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.090.652.939	7.648.660.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2.237.561.632	3.710.312.706
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.364	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a, c	11.013.001.198	1.293.802.947
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	221.179.857.027	219.922.901.249
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	3.942.494.347	2.626.024.271
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		373.344.917	99.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b, c	93.000.000	99.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	280.344.917	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815-C
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 CHỖ

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

8

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239.803.752.359	250.323.198.741
I. Vốn chủ sở hữu	410		239.753.752.359	250.273.198.741
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	34.396.516.865	45.119.223.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.447.054.860	45.119.223.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.949.462.005	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	70.261.290.735	70.058.030.234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.24	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		617.395.446.267	617.042.592.528

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	785.141.711.685	809.643.899.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.843.760.810	9.530.334.024
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		776.297.950.875	800.113.565.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	596.571.304.152	614.223.402.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179.726.646.723	185.890.163.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.176.060.516	6.155.198.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.296.542.532	26.899.951.823
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.210.319.145	11.177.529.770
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.621.485.168	6.557.384.920
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	97.734.043.218	94.113.678.542
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	56.602.132.101	60.669.656.029
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.891.474.556	16.919.461.317
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.845.447.455	21.975.952.736
13. Chi phí khác	32	VI.9	735.377.871	4.073.727.503
14. Lợi nhuận khác	40		8.110.069.584	17.902.225.233
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.001.544.140	34.821.686.550
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.680.987.222	7.623.379.974
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12, 22	140.881.810	(1.047.896.151)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.179.675.108</u>	<u>28.246.202.727</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		<u>19.664.018.043</u>	<u>28.736.514.984</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.515.657.065</u>	<u>(490.312.257)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	<u>1.517</u>	<u>2.351</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	<u>1.517</u>	<u>2.351</u>


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.001.544.140	34.821.686.550
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 13	13.750.437.119	11.777.725.371
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	1.333.037.769	401.113.162
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	160.016.275	566.947.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4, 8	(15.848.043.842)	(29.404.460.637)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.210.319.145	11.177.529.770
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.607.310.606	29.340.541.785
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.191.933.772)	14.560.857.914
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.179.563.670	7.526.473.881
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.271.111.848)	5.103.509.166
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.773.221.774)	(2.865.215.372)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	18.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.210.319.145)	(11.177.529.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3.485.930.589)	(8.026.043.512)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21, 23a	(792.104.163)	(1.390.216.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.937.747.015)	51.072.377.669
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.916.727.621)	(9.016.337.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.874.409.429	14.932.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.953.067.027)	(34.544.040.037)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.250.685.831	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(68.968.910)	(31.805.522.222)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c, 5a	500.000.000	130.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, 5a; VI.4	9.208.498.592	7.175.105.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.105.169.706)	(53.128.521.794)



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.598.290.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	538.384.848.867	572.219.815.413
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(537.127.893.089)	(564.853.041.863)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a, 23a	(18.425.724.000)	(12.276.390.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(17.168.768.222)</u>	<u>29.688.673.550</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.211.684.943)	27.632.529.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	68.167.196.191	40.534.666.766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>45.955.511.248</u>	<u>68.167.196.191</u>

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc44
NC
HIỆP
VN
&
T.P

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12